TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-PT
Ngày: 21-01-2019
V/v "Tranh chấp Quyền sử dụng đất, Yêu cầu hủy Quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Nguyễn Hữu Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên**.**

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2018/TLPT- DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp: "Quyền sử dụng đất, Yêu cầu hủy Quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 352/2018/QĐ-PT ngày 25/12/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn L, sinh năm: 1964; cư trú tại tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Ông L, sinh năm: 1948; cư trú tại số 12, đường H, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn D, sinh năm: 1945; cư trú tại thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

2. Ông Lê H, sinh năm: 1955; cư trú tại số 12, đường H, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3. Ông Lê Đ, sinh năm: 1961; cư trú tại tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

4. Bà Lê Thị T, sinh năm: 1958; cư trú tại tổ dân phố Q, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tạm trú tại Chùa G, thôn Q, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

5. Bà Lê Thị O, sinh năm: 1965; cư trú tại: số 349, đường H, tổ dân phố L , thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

6. Bà Lê Thị Th, sinh năm: 1940; cư trú tại số 129D, ấp 3, xã A, huyện L, tỉnh N, vắng mặt.

7. Ông Trương Bảo L, sinh năm: 1957; cư trú tại đường H, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

8. Ông Trương Văn L, sinh năm: 1960; cư trú tại số 373/2, đường 2/4, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

9. Ông Trương V, sinh năm: 1948; cư trú tại số 2/6, đường V, Phường P, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

10. Bà Trương Thị M, sinh năm: 1955; cư trú tại số 14A, đường K, xóm T , tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

11. Bà Trương Thị Th, sinh năm: 1952; cư trú tại số 45, đường K, Phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

12. Chị Đỗ Thị Huyền Tr, sinh năm: 1987; cư trú tại số 12/24, đường H, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

13. Ông Nguyễn Văn Th (Lê Th), sinh năm: 1943; cư trú tại số 36, đường 19E, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

14. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1940; cư trú tại số 87, đường H, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

15. Ông Lê Trúc B, sinh năm: 1972; cư trú tại số 123/25, đường T, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

16. Ông Lê Trung H, sinh năm: 1967; cư trú tại số 87, đường H, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

17. Ông Lê Ngọc T, sinh năm: 1969; cư trú tại số 113, tổ dân phố M, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

18. Ông Lê Minh T, sinh năm: 1965; cư trú tại số 100, đường H, tổ dân phố M, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

19. Bà Lê Thị Thúy V, sinh năm: 1970, cư trú tại số 125/22 đường T, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

20. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; trụ sở: số 124, đường 2/4, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Đinh Ngọc H, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

+ Ông Lưu Đình Ch, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01/UQ-UBND ngày 31/01/2018), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Trương Văn L – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12/7/2016 và lời trình bày của Ông Trương Văn L tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm thì:

Lô đất có diện tích đất 300m^2 thuộc một phần thửa 227, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng có nguồn gốc thuộc một phần trong tổng diện tích 1.440m^2 do cha của ông là ông Trương D mua của Ban quản lý Sở hợp đồng vào năm 1955 với giá 1.900đ; khi mua có lập tờ đoạn mãi, lô đất này có vị trí gần cầu L và hiện nay thuộc một phần thửa 227 và 308, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình sử dụng đất, vào năm 1960 ông D có cho ông Lê Ch mượn tạm một phần đất có diện tích gần 300m^2 để sử dụng, việc cho mượn các bên không lập giấy tờ, sau khi mượn đất của ông D thì ông Ch có cất một căn nhà, hiện nay căn nhà này vẫn còn, ông D có biết việc ông Ch cất nhà trên đất mượn của mình nhưng không có ý kiến gì. Diện tích đất còn lại ông D vẫn sử dụng bình thường, đến năm 1993 thì ông D chết không để lại di chúc, từ đó ông sử dụng diện tích đất này. Năm 1997 ông có đi đăng ký kê khai để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.500m^2 đất đồi (trong đó có 1.440m^2 nói trên), đến ngày 16/9/1998 Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã cấp 675m^2 đất thuộc thửa 308, tờ bản đồ số và 2.500m^2 đất bằng thuộc thửa 61, tờ bản đồ số 27, tất cả đều tọa lạc tại thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cho ông, ông đã đóng thuế sử dụng đất đầy đủ cho nhà nước. Đối với phần diện tích đất 300m^2 mà cha ông cho ông Lê Ch mượn vào năm 1960 thì ông Lê Ch đã đi kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M516183 ngày 16/9/1998, tổng diện tích là 3.100m^2 thuộc thửa 227, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi ông Lê Ch chết thì ông Lê L sử dụng diện tích đất này cho đến hôm nay.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê L phải trả lại diện tích đất 300m^2 thuộc một phần thửa 227, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại thị trấn D, huyện Đ,

tỉnh Lâm Đồng và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M516183 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lê Ch ngày 16/9/1998 đồng thời yêu cầu ông Lê L phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, trả lại mặt bằng cho ông.

Theo ông Lê L trình bày thì lô đất mà ông L đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông Trương D bán cho cha của ông là ông Lê Ch vào năm 1958, lúc mua bán hai bên có lập giấy tờ đoạn mãi. Năm 1974 khi ông Lê Ch vay tiền của Ngân hàng phát triển nông nghiệp tỉnh Tuyên Đức đã thế chấp giấy đoạn mãi này cho Ngân hàng, việc thế chấp này Ngân hàng có lập giấy tờ thể hiện việc nhận thế chấp (Văn tự vay bạc ngày 10/8/1974). Tuy nhiên, đến năm 1975 khi đất nước được giải phóng giấy tờ của Ngân hàng bị thất lạc nên đã không trả lại các giấy tờ nhận thế chấp của ông Lê Ch, đến năm 1997 thì ông Lê Ch đã đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và đến ngày 16/9/1998 Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 516183 cho ông Ch với tổng diện tích đất được cấp là 3.100m^2 thuộc thửa 227, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 2003 thì ông Lê Ch chết, không để lại di chúc, từ đó đến nay ông là người trực tiếp sử dụng thửa đất này, trong đó có cả diện tích đất mà Ông Trương Văn L đang tranh chấp. Nay ông L có đơn khởi kiện yêu cầu trả lại 300m^2 nói trên ông không đồng ý.

Các ông bà Trương Bảo L, Trương Văn L, Trương Thị M, Trương Thị Th trình bày: các ông, bà là con ruột của ông Trương D và bà Trần Thị D, các ông, bà thống nhất với lời trình bày của Ông Trương Văn L về thành phần gia đình, về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp. Nay ý kiến của các ông, bà là yêu cầu ông Lê L phải trả diện tích 300m^2 đất thuộc một phần thửa 227, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đang tranh chấp cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D, bà D chứ không phải trả cho riêng Ông Trương Văn L.

Các ông bà Lê Văn D, Lê H, Lê Đ, Lê Thị Th, Lê Thị O, Nguyễn Văn Th (Lê Th), Lê Thị Th trình bày: các ông, bà là con ruột của ông Lê Ch, các ông bà thống nhất với lời trình bày cũng như ý kiến của ông L.

Các ông Bà Nguyễn Thị M, Lê Trúc B, Lê Ngọc T, Lê Trung H, Lê Minh T, Lê Thị Thúy V trình bày: các ông, bà là vợ và con ruột của ông Lê Văn Ng (chết năm 1973), ông Ngọ là con ruột của ông Lê Ch. Theo các ông bà nguồn gốc lô đất có diện tích 300m^2 thuộc một phần thửa 227, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng hiện đang tranh chấp là của ông Trương D bán cho ông Lê Ch. Vì vậy các ông bà không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Ông Trương V trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của ông L về thành phần gia đình ông, còn các vấn đề khác mà ông L trình bày thì ông không

có ý kiến gì. Nay ông cũng không có ý kiến gì đối với việc tranh chấp của các nên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp.

Chị Đỗ Thị Huyền Tr trình bày: Từ nhỏ đến lớn chị ở với ông ngoại là Lê Ch, đến năm 2003 khi ông Ch mất chị vẫn tiếp tục sống trong căn nhà gỗ do ông Ch để lại, căn nhà này chính là một trong hai căn nhà đang tồn tại mà ông L đang tranh chấp với ông L. Quá trình sống trên đất tranh chấp này thì chị không đầu tư tài sản gì hay cải tạo, sửa chữa, xây dựng công trình gì trên đất. Nay các bên tranh chấp chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chị không có tranh chấp với ai hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì trình tự thủ tục mà Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M516183 ngày 16/9/1998 cho ông Lê Ch là căn cứ theo qui định của Luật đất đai năm 1993. Nay đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại Bản án số 23/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Trương Văn L về việc yêu cầu bị đơn ông Lê L phải trả diện tích đất 300m^2 thuộc một phần thửa 227, tờ bản đồ số 14 thị trấn D; Yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M516183 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Lê Ch ngày 16/9/1998 và yêu cầu ông Lê L phải tháo dỡ công trình xây dựng trả lại mặt bằng cho ông.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 31/10/2018 Ông Trương Văn L có đơn kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Ông Trương Văn L vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc Ông Trương Văn L cho rằng lô đất có diện tích 300m^2 thuộc một phần thửa số 227, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng có nguồn gốc của vợ chồng ông Trương D, bà Trần Thị D (cha mẹ

của ông L), sau đó cho ông Lê Ch mượn để làm nhà sinh sống, nay cha mẹ đã chết không để lại di chúc, ông yêu cầu ông Lê L (con của ông Lê Ch), người đang trực tiếp quản lý, sử dụng phải trả lại diện tích đất nói trên đồng thời yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M516183 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lê Ch ngày 16/9/1998, yêu cầu ông Lê L tháo dỡ công trình xây dựng trên đất còn ông Lê L không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "*Tranh chấp quyền sử dụng và yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức"* là phù hợp với quy định tại Khoản 9 Điều 26 và Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng lô đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa 227, tờ bản đồ số 14, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng có nguồn gốc thuộc một phần trong tổng diện tích 1.440m^2 do ông Trương D (cha của ông L) mua của Ban quản lý Sở hợp đồng vào năm 1955, khi mua có lập giấy tờ đoạn mãi. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì vào năm 1960 ông D cho ông Lê Ch mượn một phần là 300m^2 để làm nhà chứ không phải bán đứt nhưng xuất trình được chứng cứ để chứng minh, ông Lê L lại không thừa nhận. Trong khi đó các bên đều thừa nhận trên diện tích đất tranh chấp có 01 căn nhà xây, mái lợp tole do ông Ch xây dựng và ở ổn định, liên tục từ năm 1960 đến nay, khi ông Ch xây dựng căn nhà này thì ông Trương D không có ý kiến gì, giữa ông Lê Ch và ông D không xảy ra tranh chấp, sau khi ông D chết thì các con ông D cũng không yêu cầu ông Lê Ch phải trả lại đất.

Theo lời trình bày của ông Lê L thì diện tích đất vừa nêu đã được ông Trương D bán cho ông Lê Ch (bố ông) vào năm 1958, khi mua hai bên có lập giấy tờ (tờ đoạn mãi). Năm 1974 khi vay tiền của Ngân hàng phát triển nông nghiệp tỉnh Tuyên Đức ông Lê Ch đã thế chấp giấy đoạn mãi này cho Ngân hàng. Theo nội dung Văn tự vay bạc ngày 10/8/1974 của Ngân hàng phát triển nông nghiệp tỉnh Tuyên Đức đã thể hiện ông Ch vay tiền của Ngân hàng và đã thế chấp giấy đoạn mãi của lô đất này vì tại mặt sau của Văn tự vay bạc có ghi *"Đàng vay có trao cho Ngân hàng NN: 01 hợp đồng mua bán đất, 02 họa đồ đất, 01 giấy bán tuyệt mãi đất"*.

Như vậy dù các tài liệu, chứng cứ do ông L xuất trình không thể hiện có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L và ông D nhưng các bên đều thừa nhận gia đình ông Lê Ch làm nhà trên đất và sử dụng đất ổn định, liên tục từ năm 1960 đến nay. Ngoài ra theo Giấy chứng nhận đã kê khai đăng ký nhà số 01 ngày 10/11/1978 thì ông Lê Ch là đăng ký kê khai căn nhà mà đương sự cho rằng hiện nay đang tọa lạc trên đất tranh chấp nên lời trình bày của nguyên đơn cho rằng chỉ cho mượn đất là không có căn cứ.

[3] Ngoài ra, theo lời trình bày của các đương sự cũng như hồ sơ thể hiện thì vào năm 1998 khi ông Ch kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa 227, tờ bản đồ số 14 nói trên (trong đó có diện tích 300m^2 các bên đang tranh chấp) thì cùng thời điểm này ông L cũng kê khai, đăng ký đối với diện tích đất tại thửa 61, tờ bản đồ số 27 và thửa 308, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có danh sách các hộ dân đủ điều kiện xét cấp), nhưng lại không đăng ký kê khai đối với diện tích đất này; sau khi ông Ch đã kê khai, đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 516183 ngày 16/9/1998 (trong đó có diện tích đất 300m^2 đang tranh chấp nói trên) thì phía gia đình ông L cũng không thắc mắc, khiếu nại gì.

Do vậy việc ông L cho rằng ông D cho ông Chmượn đất và yêu cầu ông L phải trả lại diện tích đất trên là không có căn cứ chấp nhận nên từ đó không có cơ sở chấp nhận buộc ông L phải tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất tranh chấp để trả lại đất cho ông L.

[4] Đối với yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M516183 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lê Ch ngày 16/9/1998 thì thấy rằng như trên đã phân tích, diện tích đất nói trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông L, ngoài ra theo các tài liệu chứng cứ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cung cấp và trình bày của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì việc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Ch với diện tích 3.100m^2 thuộc thửa 227, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (trong đó có 300m^2 đất đang tranh chấp) đúng theo quy định của Luật đất đai năm 1993, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Ch không phải là quyết định cá biệt rõ ràng trái pháp luật, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với nội dung vừa phân tích.

[5] Hiện nay diện tích đất tranh chấp vẫn đang đứng tên ông Lê Ch, ông Ch chết năm 2003, các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ch chưa có ý kiến gì đối với phần này nên không đề cập, trong trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo vẽ, thẩm định giá, xem xét thẩm định tại chổ là 13.401.000đ, do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông L phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng nói trên (đã tạm ứng và quyết toán xong).

[8] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản tranh chấp là 4.275.000đ

(85.500.000đ x 5%). Ngoài ra do kháng cáo không được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Trương Văn L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trương Văn L về việc "Tranh chấp Quyền sử dụng đất, Yêu cầu hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức" đối với ông L; cụ thể:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trương Văn L về việc buộc ông Lê L phải trả lại lô đất có diện tích 300m^2 thuộc một phần thửa 227, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trương Văn L đề nghị hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 516183 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lê Ch ngày 16/9/1998;

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của Ông Trương Văn L về việc buộc ông Lê L phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất tranh chấp.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trương Văn L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chổ, định giá, đo vẽ là 13.401.000đ (đã tạm nộp và quyết toán xong).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Trương Văn L phải chịu 4.275.0000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 375.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông L đã nộp theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007841 ngày 20/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; ông L còn phải nộp 3.900.000đ.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trương Văn L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông L đã nộp theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011057 ngày

06/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; ông L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch